TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02988



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

**Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 100**

**CBGD: ()**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 ___% | Đ2 ___% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 15124382 | Nguyễn | An | DH15QLNT | | | 8 | | 6 | 6.6 | 6 | 6 |
| 2 | 15124383 | Nguyễn Lê Đức | Anh | DH15QLNT | | | 5 | | 6 | 5.7 | 5 | 7 |
| 3 | 15124384 | Phan Lệ | Cẩm | DH15QLNT | | | 6 | | 6 | 6.0 | 6 | 0 |
| 4 | 15124385 | Vũ Trung | Chuyên | DH15QLNT | | | 10 | | 8 | 8.6 | 8 | 6 |
| 5 | 15124386 | Nguyễn Thị Kim | Cúc | DH15QLNT | | | 7 | | 8 | 7.7 | 7 | 7 |
| 6 | 15124387 | Nguyễn Thị Minh | Hiệp | DH15QLNT | | | 6 | | 6 | 6.0 | 6 | 0 |
| 7 | 15124388 | Trương Điền | Quân | DH15QLNT | | | 4 | | 4 | 4.0 | 4 | 0 |
| 8 | 15124389 | Lê Thị | Thủy | DH15QLNT | | | 6 | | 8 | 7.4 | 7 | 4 |
| 9 | 15124390 | Lê Văn | Tiến | DH15QLNT | | | 6 | | 6 | 6.0 | 6 | 0 |
| 10 | 15124391 | Quảng Thị Thanh | Tiền | DH15QLNT | | | 6 | | 6 | 6.0 | 6 | 0 |
| 11 | 15124392 | Nguyễn Hải | Yến | DH15QLNT | | | 6 | | 8 | 7.4 | 7 | 4 |
| 12 | 15124431 | Đỗ Ngọc Thanh | Cầm | DH15QLNT | | | 4 | | 8 | 6.8 | 6 | 8 |
| 13 | 15124436 | Lê Hoàng | Huy | DH15QLNT | | | 8 | | 6 | 6.6 | 6 | 6 |
| 14 | 15124437 | Vũ Đình | Huy | DH15QLNT | | | 6 | | 6 | 6.0 | 6 | 0 |
| 15 | 15124438 | Nguyễn Thị | Linh | DH15QLNT | | | 7 | | 6 | 6.3 | 6 | 3 |
| 16 | 15124439 | Lê Thị Bích | Phượng | DH15QLNT | | | 9 | | 8 | 8.3 | 8 | 3 |
| 17 | 15124442 | Nguyễn Lê Quách | Thiệu | DH15QLNT | | | 7 | | 8 | 7.3 | 7 | 3 |
| 18 | 15124445 | Trần Thành | Tiến | DH15QLNT | | | 6 | | 6 | 6.0 | 6 | 0 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02988



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

**Môn học - Nhóm: Giáo dục thể chất 1* (202501) - 100**

**CBGD: ()**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 ___% | Đ2 ___% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 15124447 | Lưu Thị Trần | Truyền | DH15QLNT | | | 9 | | 4 | 5.5 | ○⓪①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩ | ⓪①②③④●⑥⑦⑧⑨ |
| 20 | 15124448 | Thuận Ngọc | Tuấn | DH15QLNT | | | 10 | | 10 | 10.0 | ○⓪①②③④⑤⑥⑦⑧⑨● | ●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ |

**Số lượng vắng:** **Hiện diện:**

**Cán bộ coi thi 1** **Cán bộ coi thi 2** **Xác nhận của khoa/bộ môn** **Cán bộ chấm thi 1** **Cán bộ chấm thi 2**

Lộ L.N. Giầu 7 10 9,1

Tôn Thất Hảo

Ngày in : 23/11/2015 13:24